

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
1	19110049	Thái Thành	Nam	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	19110ST2A
2	19124027	Nguyễn Tấn	Thành	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	191242B
3	19132001	Nguyễn Thị Trúc	Huyền	Kinh tế	Logistics và QL CCU	191321A
4	19145071	Võ Anh	Kiệt	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	19145CL2B
5	20109074	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Thời trang và Du lịch	Công nghệ may	20109A
6	20110243	Lê Hải	Đăng	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201104A
7	20110246	Huỳnh Tiên	Dĩ	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201103A
8	20110248	Lê Thị Kim	Lệ	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201102C
9	20110252	Phạm Phúc	Bình	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201102A
10	20110261	Nguyễn Ngọc	Phát	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201102C
11	20110322	Phan Duy	Lâm	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201103A
12	20110324	Trần Thị Trà	My	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201104A
13	20124054	Ngô Thị Bích	Ngọc	ĐT chất lượng cao	Quản lý công nghiệp	20124CL2
14	20124077	Lê Tú	Uyên	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201241C
15	20124086	Võ Thị Phương	Thảo	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201241C
16	20124094	Nguyễn Thị	Thư	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201242B
17	20124115	Cù Thị Bích	Ly	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201241A
18	20124118	Ngô Minh	Thuận	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201241A
19	20124139	Lê Kim	Ngân	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201241C
20	20125020	Lê Đức Quang	Nhật	Kinh tế	Kế toán	201251B
21	20126008	Trần Hoàng	Hữu	Kinh tế	Thương mại điện tử	201261C
22	20126038	Nguyễn Hồng	Phúc	Kinh tế	Thương mại điện tử	201262B
23	20126082	Trần Yến	Ngân	Kinh tế	Thương mại điện tử	201262A
24	20128035	Võ Duy	Tân	CNHH và Thực phẩm	CNKT hóa học	20128D
25	20129037	Trần Khoa	Dự	Điện - Điện tử	Kỹ thuật y sinh	20129C
26	20131047	Trần Thị Ngọc	Bình	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	20131TI2
27	20131070	Vũ Ngọc	Trâm	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	20131BE2
28	20132046	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322B
29	20132075	Hồ Ngọc	Dung	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321C
30	20132083	Võ Thị Hồng	Ni	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322A
31	20132091	Lê Thị Thùy	Trang	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322A
32	20132095	Lê Đoàn Yên	Nhiên	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322A
33	20132098	Huỳnh Thị Tường	Vy	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322B
34	20132100	Trần Thị Hồng	Trân	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322A
35	20132103	Nguyễn Thị Mai	Linh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321C
36	20132107	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322B
37	20132108	Nguyễn Lê Thùy	Duyên	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322A
38	20132110	Nguyễn Thị Diệu	Hương	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322B
39	20132111	Phan Dương Huỳnh	Oanh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321A
40	20132116	Huỳnh Ngọc	Thanh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321A
41	20132159	Võ Thị Thiện	Nhân	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321A

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
42	20132179	Võ Ngọc Phương	Thảo	Kinh tế	Logistics và QL CCU'	201321C
43	20132182	Võ Cẩm	Nhung	Kinh tế	Logistics và QL CCU'	201321B
44	20136017	Lê Thị Thúy	Kiều	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	201362A
45	20139038	Nguyễn Gia	Vương	Điện - Điện tử	Hệ thống nhúng và IoT	20139A
46	20142076	Nguyễn Văn	Hiền	ĐT chất lượng cao	CNKT điện, điện tử	20142CL1B
47	20142153	Trần Ngọc	Son	Điện - Điện tử	CNKT điện, điện tử	201422A
48	20142157	Châu Hoài	Duy	Điện - Điện tử	CNKT điện, điện tử	201421C
49	20142173	Dương Thành	Lân	Điện - Điện tử	CNKT điện, điện tử	201421A
50	20145036	Nguyễn Minh	Hoàng	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	20145CLA3
51	20145095	Huỳnh Tấn	Long	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	20145CL8A
52	20145278	Phạm Huỳnh Hiếu	Tài	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	201451B
53	20145280	Nguyễn Thị Hồng	Đào	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201242A
54	20146093	Trần Khánh	Duy	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	201461A
55	20146127	Trần Ngọc	Hiệu	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	201462C
56	20146133	Nguyễn Hoàng	Thanh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	201462B
57	20150018	Lê Hữu	Hậu	Kinh tế	Logistics và QL CCU'	201322A
58	20151188	Huỳnh Nguyễn Thanh	Tiên	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	201511B
59	20158027	Nguyễn Thị Kim	Yến	Kinh tế	Logistics và QL CCU'	201322A
60	20159010	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Thời trang và Du lịch	QTNH và Dịch vụ ăn uống	20159B
61	20950009	Đinh Ánh	Tuyết	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	20950
62	21110294	Võ Hữu	Tài	ĐT chất lượng cao	Công nghệ thông tin	21110CL5
63	21110306	Nguyễn Văn	Thi	ĐT chất lượng cao	Công nghệ thông tin	21110CL4
64	21110312	Ngô Ngọc	Thông	ĐT chất lượng cao	Công nghệ thông tin	21110CL2
65	21110362	Hà Đỗ Thái	An	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211102C
66	21110383	Phan Tuấn	Cảnh	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101A
67	21110397	Cao Đăng	Duy	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211103C
68	21110471	Lê Hữu	Huy	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211103D
69	21110480	Nguyễn Hoàng Phi	Hùng	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101D
70	21110507	Nguyễn Minh	Khánh	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211102C
71	21110556	Phạm Thị Phương	Nghi	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101A
72	21110587	Nguyễn Hoàng Việt	Pháp	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101D
73	21110591	Trần Tấn	Phát	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101A
74	21110593	Nguyễn Trung	Phiên	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211102B
75	21110600	Nguyễn Thi	Phú	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101C
76	21110601	Lê Hoàng	Phúc	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101A
77	21110616	Trương Hoàng	Quang	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211103C
78	21110624	Trịnh Mạnh	Quỳnh	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101B
79	21110663	Nguyễn Hữu	Thoại	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211103A
80	21110716	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101C
81	21116272	Phan Nguyễn Ngọc	Vi	CNHH và Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	211162A
82	21124010	Nguyễn Minh	Hiệu	Đào tạo quốc tế	Quản lý công nghiệp	21124FIE1

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
83	21124137	Đông Thị Nhi	Bình	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242A
84	21124145	Tổng Thị Trúc	Chung	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242B
85	21124149	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242A
86	21124154	Trần Thị Kim	Duyên	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242A
87	21124164	Huỳnh Ngọc	Hân	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241C
88	21124165	Lê Thị Bảo	Hân	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241C
89	21124172	Đoàn Lê Công	Hiếu	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242A
90	21124185	Lê Tuấn	Kiệt	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241B
91	21124208	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241A
92	21124224	Thái Hiền	Nhi	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241C
93	21124225	Nguyễn Ngọc Phương	Nhung	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242B
94	21124229	Đặng Thị Quỳnh	Như	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241C
95	21124235	Đỗ Thị Mỹ	Phát	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241B
96	21124262	Lê Trần Thu	Thảo	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241B
97	21124271	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241B
98	21124276	Huỳnh Ngọc Thủy	Tiên	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241B
99	21124282	Nguyễn Thị	Trúc	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242A
100	21124286	Trần Thanh	Trúc	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241A
101	21124287	Hà Văn	Trương	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242B
102	21124291	Lê Thị Tố	Uyên	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241B
103	21125088	Trần Thị Ngọc	Anh	Kinh tế	Kế toán	211252A
104	21125094	Hoàng Thị Thu	Dung	Kinh tế	Kế toán	211252B
105	21125105	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	Kinh tế	Kế toán	211251B
106	21125135	Lê Minh Khánh	Nhi	Kinh tế	Kế toán	211251B
107	21125138	Phạm Mai Mẫn	Nhi	Kinh tế	Kế toán	211252B
108	21125142	Trịnh Trần Hồng	Nhung	Kinh tế	Kế toán	211252B
109	21125159	Hồ Thị Mỹ	Sự	Kinh tế	Kế toán	211251A
110	21126001	Nguyễn Hoài	An	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1A
111	21126048	Trương Thanh	Lộc	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1A
112	21126066	Trần Thị Tố	Oanh	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL2B
113	21126074	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1A
114	21126077	Trương Diễm	Quỳnh	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL2A
115	21126102	Lương Thảo	Uyên	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1A
116	21126106	Lê Trần Bích	Vy	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1B
117	21126112	Nguyễn Hoàng	Anh	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262A
118	21126138	Dương Thị Mỹ	Hiền	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262B
119	21126146	Võ Trần Như	Hoàng	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
120	21126169	Võ Thị Trà	My	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262B
121	21126175	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
122	21126178	Lê Thanh	Nguyệt	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
123	21126179	Mai Huỳnh Thanh	Nhã	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261A

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
124	21126184	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261A
125	21126187	Trương Đình	Phúc	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
126	21126188	Phạm Ngọc Mai	Phương	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
127	21126194	Trần Thảo	Quyên	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261A
128	21126196	Trương Thị Thu	Quyên	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262B
129	21126198	Tạ Phước	Sang	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
130	21126199	Nguyễn Thị Bích	Sâm	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261A
131	21126204	Phan Trần Thiên	Thanh	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262B
132	21126211	Nguyễn Ngô Phương	Thùy	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
133	21126219	Nguyễn Vi	Tính	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262A
134	21126221	Nguyễn Thị	Trang	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262B
135	21126222	Nguyễn Ngọc	Trâm	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
136	21126223	Nguyễn Ngọc	Trâm	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261A
137	21126228	Trương Quế	Trân	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261A
138	21126232	Trần Anh	Trọng	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262B
139	21126234	Nguyễn Thị Ánh	Trúc	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
140	21126249	Nguyễn Thị Tường	Vy	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262B
141	21126252	Nguyễn Thị Hải	Yến	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261A
142	21128132	Võ Thị	Diễn	CNHH và Thực phẩm	CNKT hóa học	211282A
143	21128151	Trần Thị Phương	Hoa	CNHH và Thực phẩm	CNKT hóa học	211281A
144	21128199	Lê Thành	Nhân	CNHH và Thực phẩm	CNKT hóa học	211282A
145	21131019	Võ Quang	Duy	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE4
146	21131025	Nguyễn Trần Thu	Giang	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE3
147	21131037	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131TI2
148	21131073	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE3
149	21131085	Đình Khánh	Phương	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE4
150	21131088	Trần Nguyễn Lan	Phương	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE2
151	21131096	Võ Hoàng Ngọc	Quý	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE4
152	21131102	Châu Nhật	Thanh	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE2
153	21131121	Trần Nguyễn Hoài	Thương	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE4
154	21131125	Lê Thị Ngọc	Tiền	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE2
155	21131137	Nguyễn Trần Minh	Tú	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE1
156	21132003	Lê Thị Minh	Anh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
157	21132005	Nguyễn Văn Quốc	Anh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321B
158	21132009	Võ Hoàng Bảo	Anh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
159	21132023	Nguyễn Thành	Danh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
160	21132024	Phạm Thị Ái	Diễm	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
161	21132056	Nguyễn Ngọc	Hân	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
162	21132064	Thiểm Hoài	Nam	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
163	21132066	Võ Tiên	Hoàng	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
164	21132078	Nguyễn Phúc	Hung	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
165	21132081	Nguyễn Bùi Công	Hữu	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321B
166	21132089	Trần Đăng	Khoa	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
167	21132111	Nguyễn Tiến	Lực	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
168	21132124	Nguyễn Lê Hoàng	Nga	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
169	21132133	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
170	21132141	Phan Thị Thu	Nguyệt	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
171	21132144	Trịnh Yến	Nhi	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
172	21132148	Võ Thị Hồng	Nhung	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
173	21132150	Đào Thị Tâm	Như	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
174	21132153	Lê Thị Quỳnh	Như	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321B
175	21132158	Đinh	Phát	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
176	21132159	Bùi Thị Kim	Phân	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
177	21132166	Sơn Minh	Phúc	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
178	21132170	Phạm Trần Mai	Phương	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
179	21132172	Trương Thị Bích	Phượng	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
180	21132179	Huỳnh Đỗ Như	Quỳnh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
181	21132182	Lê Thị	Quý	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
182	21132195	Nguyễn Tuấn	Thành	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
183	21132197	Lê Thị	Thảo	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
184	21132198	Lê Thị Phương	Thảo	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
185	21132201	Nguyễn Xuân	Thái	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
186	21132205	Nguyễn Thị Lệ	Thi	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
187	21132207	Trịnh Đức	Thieu	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
188	21132227	Trịnh Thị Minh	Thư	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321B
189	21132233	Phạm Thanh	Toàn	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
190	21132237	Nguyễn Thị Thu	Trang	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
191	21132247	Trần Tâm	Trí	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
192	21132248	Đỗ Trần Anh	Trúc	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
193	21132256	Nguyễn Tuấn	Phương	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
194	21132257	Huỳnh Cao Kim	Tuyền	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
195	21132261	Trần Thị Nhật	Tú	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321B
196	21132269	Nguyễn Kim Triệu	Vy	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
197	21132275	Nguyễn Lưu Trinh	Yên	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321B
198	21136033	Trần Khải	Hoàn	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211361B
199	21136065	Phan Thị Kiều	Oanh	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211361B
200	21136075	Nguyễn Trọng	Quyền	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211361B
201	21136086	Nguyễn Đức	Tân	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211362B
202	21136090	Võ Thanh	Thảo	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211361B
203	21136109	Cao Thanh	Tú	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211362B
204	21136113	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211361A
205	21144183	Nguyễn Xuân	Hiệp	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ khí	211443A

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
206	21145028	Phan Tân	Minh	Đào tạo quốc tế	CNKT ô tô	21145FIE3
207	21145077	Mai Gia	Bảo	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	21145CL5B
208	21145323	Tạ Công	Vũ	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	21145CL5B
209	21145407	Lý Hoàng	Hưng	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211512C
210	21145415	Nguyễn Đăng Phúc	Khang	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211451C
211	21145429	Nguyễn Minh	Khôi	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211453A
212	21145436	Lê Hoàng	Kỳ	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211452B
213	21145452	Huỳnh Minh	Mẫn	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211453A
214	21145492	Nguyễn Văn	Tài	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211451A
215	21145496	Võ Trọng	Tấn	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211454A
216	21145529	Kiều Thanh	Trà	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211454A
217	21145532	Nguyễn Minh	Trí	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211451A
218	21146070	Lê Quốc	Cường	ĐT chất lượng cao	CNKT cơ điện tử	21146CL3B
219	21146203	Trần Hoàng	Duy	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	211462B
220	21146211	Hoàng Duy	Đạt	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	211462C
221	21146259	Nguyễn Anh	Kiệt	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	211461C
222	21146279	Phạm Quốc	Nghĩa	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	211462A
223	21146290	Nguyễn Tấn	Phát	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	211461A
224	21146302	Hoàng Trọng	Quân	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	211462C
225	21149175	Phạm Minh	Quang	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng	211493B
226	21151057	Lê Phạm Huy	Triều	Đào tạo quốc tế	CNKT điều khiển và TĐH	21151FIE3
227	21151159	Bùi Minh	Tâm	ĐT chất lượng cao	CNKT điều khiển và TĐH	21151CL4B
228	21151208	Trần Lê	Dương	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211511A
229	21151233	Võ Lâm Tấn	Hiếu	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211511C
230	21151245	Nguyễn Ngọc	Huy	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211511A
231	21151250	Nguyễn Đoàn Anh	Kha	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
232	21151264	Lê Tuấn	Kiệt	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211512B
233	21151303	Nguyễn Văn	Pháp	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211512C
234	21151315	Nguyễn Minh	Phương	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211511A
235	21151338	Huỳnh Phúc	Thành	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211512A
236	21151381	Nguyễn Sơn	Tùng	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211511B
237	21151385	Ngô Anh	Tuấn	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211512C
238	21151387	Lê Thanh	Tùng	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211511B
239	21151398	Nguyễn Nhật Đức	Vương	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211511C
240	21154031	Phạm Văn	Thành	Cơ Khí Động Lực	Năng lượng tái tạo	21154A
241	21155063	Trần Thị Út	Thừa	Xây dựng	Quản lý xây dựng	21155B
242	21950012	Đỗ Thị Kim	Ngân	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	21950
243	21950013	Nguyễn Xuân	Nghi	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	21950
244	21950018	Văn Lê Khánh	Vy	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	21950
245	21126197	Phạm Ngọc	Quý	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262A